

ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG - LÂM NGHIỆP Ở HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

NGUYỄN THÁM¹, NGUYỄN VĂN THỊNH^{2,}*

¹Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

²Học viên cao học Trường Đại học Sư phạm Huế

**Email: nguyenvanthinhthd1704@gmail.com*

Tóm tắt: Huyện Krông Bông có đầy đủ thế mạnh để phát triển nông - lâm nghiệp như: Địa hình núi cao, đồi, cao nguyên và đồng bằng nhỏ hẹp, khí hậu cận xích đạo phân hóa thành mùa mưa và mùa khô rõ rệt, lớp phủ thổ nhưỡng đa dạng... Kết quả nghiên cứu đã xác định có 86 đơn vị cảnh quan phù hợp với năm loại cây trồng chính đó là: Lúa nước, ngô, cà phê, sầu riêng và trồng rừng. Từ kết quả nghiên cứu này chúng tôi đã thành lập được bản đồ đề xuất quy hoạch sản xuất nông - lâm nghiệp ở huyện Krông Bông phục vụ cho việc bố trí cây trồng hợp lý mang lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội và môi trường.

Từ khóa: Phát triển nông-lâm nghiệp, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Huyện Krông Bông nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Đắk Lắk với đặc điểm tự nhiên và tài nguyên khá đa dạng. Tuy nhiên hiện nay huyện Krông Bông vẫn là một huyện nghèo nhất tỉnh, thu nhập bình quân/người (GDP/năm) năm 2018 của người dân trong huyện mới chỉ đạt 21,42 triệu đ/người [3]. Do việc sản xuất manh mún không theo quy hoạch, phụ thuộc vào tự nhiên, thiếu vốn đầu tư, trình độ dân trí thấp. Cơ sở hạ tầng yếu kém, nhất là giao thông vận tải, tình lộ 12 là tuyến đường huyết mạch của huyện đã hư hỏng nặng nhưng không được đầu tư sửa chữa kịp thời nên trở thành nút thắt kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Nhằm phát huy thế mạnh về tự nhiên sẵn có của huyện cần có nhiều giải pháp tổng thể và cần có thời gian để thực hiện, một trong những giải pháp cấp thiết đó là nghiên cứu quy hoạch tổng thể phát triển nông - lâm nghiệp nhằm khai thác hiệu quả các thế mạnh sẵn có, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân là vấn đề có ý nghĩa thiết thực đang đặt ra đặt ra hiện nay. Với ý nghĩa như vậy chúng tôi hy vọng bài báo này sẽ cung cấp những cơ sở khoa học về lý luận và thực tiễn cho các cơ quan có liên quan lập bản đồ quy hoạch sản xuất nông - lâm nghiệp trong huyện.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập, phân tích và xử lý số liệu

Phương pháp này được sử dụng vào việc thu thập, xử lý số liệu phục vụ cho mục đích nghiên cứu của đề tài.

2.2. Phương pháp bản đồ và GIS

Sử dụng hệ thống bản đồ đơn tính như: bản đồ địa chất, bản đồ địa hình, bản đồ thổ nhưỡng, bản đồ khí hậu, bản đồ sông ngòi, bản đồ hiện trạng sử dụng đất... Liên kết các bản đồ đơn tính này cùng với sự hỗ trợ của phần mềm Mapinfo, ArcGIS để xây dựng bản đồ các đơn vị cảnh quan, bản đồ đề xuất quy hoạch nông – lâm nghiệp huyện Krông Bông – tỉnh Đắk Lắk.

2.3. Phương pháp khảo sát thực địa

Khảo sát đặc điểm địa hình, thổ nhưỡng của một số địa điểm trong huyện kết hợp với phỏng vấn người dân ở địa phương nhằm thu thập thêm các thông tin phục vụ cho công tác nghiên cứu.

2.4. Phương pháp chuyên gia

Lấy ý kiến của các nhà khoa học trong việc lựa chọn, phân cấp chỉ tiêu đánh giá và xác định nhu cầu sinh thái cho một số loại hình sử dụng nông – lâm nghiệp. Đồng thời, đề tài còn tham khảo ý kiến các nhà quản lý làm cơ sở cho việc đề xuất quy hoạch sử dụng lãnh thổ hợp lý có hiệu quả.

3. CÁC NHÂN TỐ SINH THÁI TỰ NHIÊN TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH CẢNH QUAN

Krông Bông nằm ở phía Đông Nam tỉnh Đắk Lắk, phía Bắc giáp huyện EaKar, huyện Krông Pắc và huyện M'Đrăk; Phía Tây giáp huyện CưKuin; phía Nam và Tây Nam giáp huyện Krông ANa và huyện Lắk; phía Đông và Đông Nam giáp tỉnh Lâm Đồng và Khánh Hòa.

Krông Bông có diện tích tự nhiên 125 695, 23 ha [1], dân số năm 2017 là 97.299 người. Mật độ dân số trung bình thấp 77,41 người/km², tỉ lệ gia tăng dân số trung bình cao 1,5%/năm [2], trong huyện tập trung nhiều dân tộc sinh đang sống, ngoài đồng bào dân tộc tại chỗ như Ê đê, Gia rai, Ba na thì đây là vùng có đông người dân tỉnh Quảng Nam được Nhà nước đưa vào xây dựng vùng kinh tế mới từ những năm 80, 90 của thế kỷ XX, trong những năm gần đây đồng bào dân tộc Mông ở các tỉnh phía Bắc di cư theo hình thức tự do vào huyện khá lớn.

Huyện được thành lập vào ngày 19 tháng 9 năm 1981, trên cơ sở chia tách 10 xã phía Nam của huyện Krông Pắc. Trong những năm tháng chiến tranh, đây là vùng căn cứ địa cách mạng của tỉnh Đắk Lắk, với địa danh nổi tiếng H9, hiện nay sau nhiều lần chia tách đơn vị hành chính cấp xã cả huyện hiện có 13 xã và 01 thị trấn.

3.1. Địa hình

Nằm ở phía Tây Nam cao nguyên Đắk Lắk, địa hình khá phức tạp, độ cao trung bình 600m, có các đỉnh núi cao Chư Yang Sin (2.405m), Ca Đung (1.978m). Krông Bông có hai dạng địa hình chính sau:

- Địa hình núi cao và trung bình: Kéo dài theo chiều dài của dãy Chư Yang Sin chiều dài khoảng 50km từ xã Hòa Sơn, thị trấn Krông Kmar, Hòa Lễ, Hòa Phong, Cư Pui, Cư Đrăm và Yang Mao.

- Địa hình thung lũng và đồng bằng trũng giữa núi: Chiếm khoảng 20% diện tích tự nhiên, tiếp giáp với vùng núi cao ở phía Nam và kéo dài đến sông Krông Ana ở phía Bắc, vùng đồng bằng trũng Lăk được hình thành do bồi đắp phù sa của sông Krông Bông và Krông Kmar đã tạo nên một vùng đồng bằng khá màu mỡ.

3.2. Khí hậu

Huyện Krông Bông mang nét chung của khí hậu tiểu vùng nhiệt đới gió mùa Cao nguyên Phía Nam Đắc Lăk (từ huyện Krông Păk đến huyện Lăk). Khí hậu có hai mùa rõ rệt: mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Lượng mưa trung bình năm của huyện từ 1.800-2.400mm. Tổng lượng nhiệt cả năm khoảng 8.000-8.500⁰C; nguồn ánh sáng dồi dào, bình quân giờ chiếu sáng/năm khoảng 1.700-2.400h; nhiệt độ trung bình năm từ 23-25⁰C, biên độ nhiệt giao động ngày đêm khá lớn 12-14⁰C.

- Chế độ gió: Hướng gió chính vào mùa mưa là Tây Nam (từ tháng 5 đến tháng 10), vào mùa khô là Đông Bắc (từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau).

3.3. Thủy văn

Huyện Krông Bông có dãy Chư Yang Sin hùng vĩ nên đây là nơi bắt nguồn của một trong những thượng nguồn của sông Xêrêpôk huyện thoại chảy sang CamPuChia ra sông Mê Kông rồi chảy về đồng bằng sông Cửu Long và đổ ra Biển Đông, cụ thể thủy văn của huyện như sau:

- Nguồn nước mặt: Nguồn nước mặt trên địa bàn huyện tương đối lớn do có nhiều hệ thống sông suối cung cấp. Trong đó, nguồn nước mặt chính cung cấp trên địa bàn huyện là hai sông lớn:

+ Sông Krông Bông (Krông Ana) là một thượng nguồn của sông Xêrêpôk bắt nguồn từ dãy Chư Yang Sin hợp lưu với sông Krông Ana tại cầu Yang Sơn với diện tích lưu vực tương đối lớn khoảng 1.000km². Riêng đoạn chảy qua huyện với chiều dài khoảng 50km, hướng chảy chính của sông là từ Đông sang Tây, lưu lượng nước bình quân khoảng 20m³/s.

+ Sông Krông Kmar cũng là một nhánh của sông Krông Ana bắt nguồn từ dãy Chư Yang Sin chảy trên địa huyện khoảng 6 km. Với lưu lượng bình quân khoảng 6m³/s.

- Nguồn nước ngầm: Theo tài liệu nghiên cứu thăm dò, đáng giá nước dưới đất của trung tâm nghiên cứu môi trường địa chất Trường Đại học Mỏ Địa Chất và Trung Tâm tư vấn công nghệ Môi trường thuộc Liên hiệp các hội khoa học-kỹ thuật Việt Nam:

nước ngầm có trữ lượng và chất lượng tương đối tốt, thường tồn tại trong các khe nứt trong các đá phut trào Bazan.

3.4. Thổ nhưỡng

Thổ nhưỡng của huyện khá đa dạng, tuy nhiên có thể chia làm 5 nhóm đất chính sau:

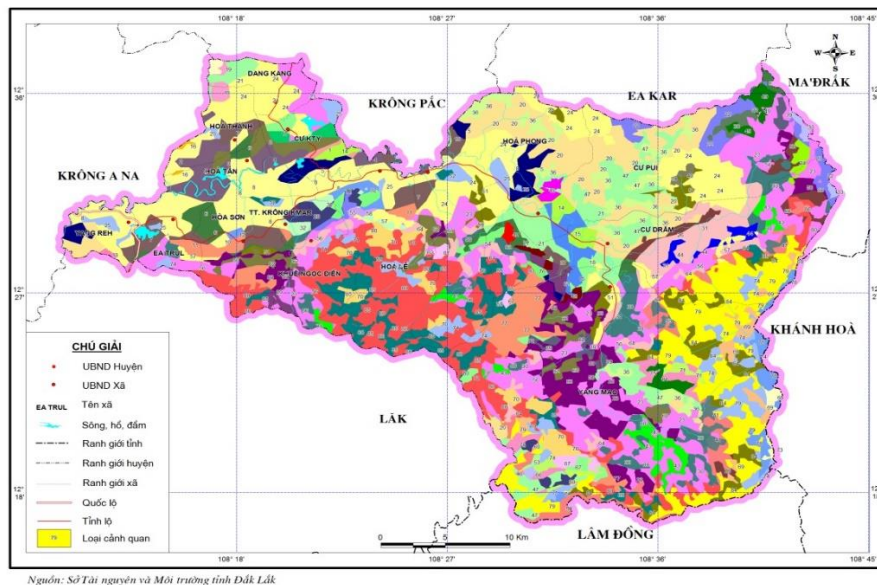
- Đất clay chua: Có diện tích nhỏ nhất (64,79 ha) chiếm 0,05 %, phân bố rải rác ở các khu vực đồng bằng thấp trong huyện.
- Đất phù sa chua: Có diện tích lớn hơn 6.905,15ha, chiếm 5,5% phân bố ở các xã EaTrul, Yang Rel, Hòa Phong, CuPui.
- Đất xám có tầng loang lổ: Có diện tích nhỏ 1,271,61 ha, chiếm 1%, phân bố chủ yếu ở phía Đông Bắc của xã Cu Pui và xã CuĐrăm.
- Đất xám feralit: Có diện tích rất lớn nhất 62.237,61 ha, chiếm tỉ lệ cao nhất 49,4% phân bố khắp các xã trong huyện dọc sông Krông Bông và sông Krông Kmar.
- Đất xám mùn trên núi: có diện tích khá lớn đứng thứ hai với diện tích 55.583,92 ha, chiếm 44,1% phân bố từ xã Hòa Sơn đến xã Yang Mao.

3.5. Thảm thực vật

Với đặc điểm địa hình và thổ nhưỡng đa dạng, khí hậu nóng ẩm nên thảm thực vật hết sức phong phú và đa dạng, bao gồm 12 kiểu thảm thực vật như sau:

- + Thảm thực vật nông nghiệp chiếm diện tích lớn nhất 21% diện tích tự nhiên của huyện với 25,629.57 ha.
- + Diện tích đất trồng đồi núi trọc có diện tích đứng thứ tư với 15,3% diện tích tự nhiên của huyện với 19,306.31 ha.
- + Diện tích mặt nước chiếm diện tích không đáng kể 0,62% với 785.69 ha, đây chủ yếu là mặt nước sông, suối, các hồ thủy lợi và hai hồ thủy điện trong huyện.
- + Các thảm thực vật còn lại chiếm diện tích tích tuyệt đối là các loại rừng với 63,1% bao gồm: Rừng giàu phân bố ở những khu vực địa hình núi cao chiếm diện tích khá lớn 13,632.18 ha, thành phần đa dạng bao gồm cả loài cây lá rộng và lá kim; Rừng trung bình chiếm diện tích lớn nhất 25,629.57 ha phân bố ở vùng có địa hình thấp hơn; Rừng nghèo chiếm diện tích lớn thứ ba với 19,879.23 ha; Rừng non có trữ lượng 12,674.04 ha; Rừng tre nứa 4,096.44; Rừng hỗn giao và tre nứa 2,830.42 ha; Rừng trồng 256,86 ha và 4,22 ha rừng lá kim trên núi cao.

4. XÂY DỰNG BẢN ĐỒ SINH THÁI CẢNH QUAN



Hình 1. Bản đồ các đơn vị sinh thái cảnh quan, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk

Để xây dựng Bản đồ sinh thái cảnh quan chúng tôi đã sử dụng các bản đồ thành phần cùng tỉ lệ 1:50.000: Bản đồ địa chất, bản đồ địa hình, bản đồ thổ nhưỡng, bản đồ thảm thực vật, bản đồ phân vùng khí hậu,... liên kết các bản đồ đơn tính với sự trợ giúp của các phần mềm Mapinfo, ArcGIS để xây dựng được Bản đồ sinh thái cảnh quan của huyện Krông Bông gồm 86 đơn vị sinh thái cảnh quan khác nhau làm cơ sở cho việc đánh giá mức độ thích hợp và đề xuất sử dụng hợp lí lãnh thổ.

5. ĐỀ XUẤT QUY HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP Ở HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK.

5.1. Cơ sở khoa học của việc đề xuất

5.1.1. Hiện trạng sử dụng đất

Trong tổng diện tích tự nhiên của lãnh thổ nghiên cứu là 125 695, 23 ha, trong đó: Đất nông nghiệp bao gồm cả đất lâm nghiệp, thủy sản và đất làm nông nghiệp khác 112 728,08 ha (chiếm 89,68%), đất phi nông nghiệp 4 233,44 ha (hiếm 3,37%), Đất chưa sử dụng 8 733,71 ha (chiếm 6,95%).

5.2.1. Định hướng phát triển nông - lâm nghiệp của huyện đến 2020 và tầm nhìn đến 2025

- Mục tiêu cụ thể đến 2020

+ Xác định đặc điểm địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng... của từng xã, thị trấn để xây dựng mô hình thí điểm để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi cho phù hợp. Đảm bảo xây

dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với công nghiệp chế biến và dịch vụ; đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển.

+ Tập trung thí điểm chuyển đổi một số loại cây trồng, vật nuôi mới, có hiệu quả cao để nhân dân thí điểm ở các địa phương; khuyến khích nhân dân dồn điền, đổi thửa để xây dựng vùng chuyên canh, cánh đồng mẫu lớn. Chủ động nghiên cứu thị trường để tìm đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện.

+ Phấn đấu đến năm 2020 tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân (theo giá so sánh với năm 2010) đạt 12- 13%, trong đó: nông lâm nghiệp tăng 9-10%.

- Định hướng đến năm 2025

Phấn đấu đến năm 2025 giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân đạt 100 triệu đồng/ha đất canh tác; hình thành các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản có quy mô lớn đủ sức cạnh tranh trên thị trường; thu nhập bình quân của người dân tăng gấp 3 lần so với 2015; tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp bình quân đạt từ 9-10%/năm.

5.2.2. Hiệu quả về kinh tế- xã hội và môi trường các loại hình sản xuất

a. Hiệu quả về kinh tế

Bảng 1. Hiệu quả kinh tế của một số loại cây trồng ở huyện Krông Bông

Các nhóm, loại cây trồng chủ yếu	Tổng giá trị SX thu được (GO) 1ha/năm (1000đ)	Chi phí trung gian (IC) 1ha/năm (1000đ)	Giá trị gia tăng (VA) 1ha/năm (1000đ)	Chi phí công LĐ (CL) 1/ha/năm (công)	Giá trị ngày công LĐ (VC) (1000.đ)	Hiệu suất đồng vốn (HS) (%)
Lúa nước 2 vụ	40.000	15 000	25 000	195	128,0	166,6
Ngô	33.000	20.000	13 000	170	76,4	65,0
Cà phê	89 000	54 000	35 000	175	200,0	64,8
Sầu riêng	400 000	109 000	291 000	146	1 993,1	267,0
Trồng rừng	25 000	6 000	19 000	20	950,0	316,7

Kết quả điều tra nông hộ tháng 07/2019

Chi phí cho trồng rừng thường là 5 năm thì mới được thu hoạch (Bảng 1 chỉ tính 1 năm)

Đối chiếu với kết quả điều tra và chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế đối với một số LHSD đất chủ yếu của lãnh thổ nghiên cứu năm 2019 cho thấy:

+ Về giá trị gia tăng: Cao nhất là Sầu riêng đạt 291 triệu đ/năm, tiếp đến cà phê đạt 35 triệu đ/năm, lúa nước 25 triệu đ/vụ, trồng rừng 25 triệu đ/năm và thấp nhất là ngô chỉ đạt 13 triệu đ/vụ.

+ Về giá trị ngày công lao động: Sầu riêng giá trị ngày công lao động rất cao 1,9 triệu đồng/ngày, trồng rừng 950.000đ/ngày, cà phê 200.000đ/ngày, lúa nước 128.000đ/ngày và thấp nhất là ngô chỉ đạt 76.400đ/ngày.

+ Về hiệu quả đồng vốn: Cao nhất là trồng rừng 316,7%, tiếp đến là sầu riêng 267,0 %, lúa nước 166,6 %; cà phê và ngô có hiệu suất sử dụng đồng vốn rất thấp tương ứng là 64,8% và 65,0%.

b. Hiệu quả về mặt xã hội

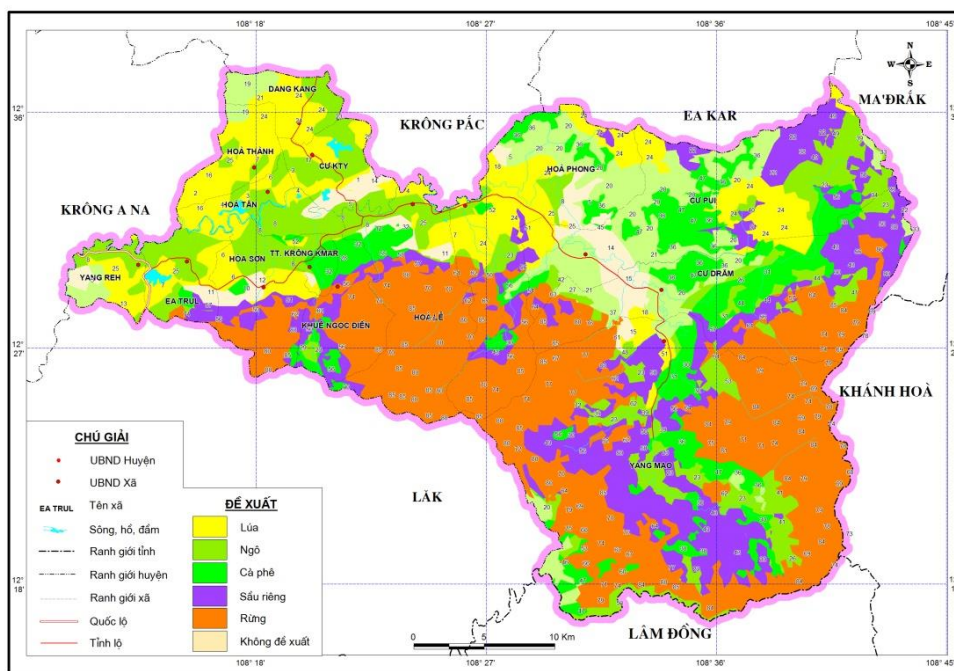
- Giải quyết được nhu cầu lương thực, thực phẩm tại chỗ, tạo việc làm cho người dân, hạn chế nạn du canh du cư, phát triển văn hóa, y tế, giáo dục...nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

c. Hiệu quả về mặt xã hội

Mô hình trồng rừng, cây cà phê có cây muồng che bóng, cây sầu riêng có cây muồng chắn gió được xem là mô hình ảnh hưởng tích cực nhất đến môi trường sinh thái. Nhờ phối hợp nhiều cây trồng, hỗ trợ nhau cùng sinh trưởng và phát triển nên không phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên.

5.2. Đề xuất quy hoạch sử dụng lãnh thổ

Căn cứ vào thực trạng sản xuất, định hướng phát triển, hiệu quả kinh tế- xã hội và môi trường của từng loại hình sản xuất trên lãnh thổ nghiên cứu, chúng tôi đề xuất 5 loại hình sản xuất chủ yếu sau.



Biên tập: Nguyễn Văn Thịnh

Hình 2. Bản đồ đề xuất quy hoạch sản xuất nông- lâm nghiệp, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk

- Lúa nước hai vụ tưới có 10 loại cảnh quan, với tổng diện tích 17,659.35 ha, phân bố chủ yếu tại các đồng bằng thấp chân núi tại các xã YangRel, EaTrul, Hòa Sơn, Hòa Lễ...đất phù sa màu mỡ, có đủ nước tưới hai vụ/năm. Đây là khu vực sản xuất ra nguồn lương thực chủ yếu cho huyện.
- Cây ngô gồm 7 loại cảnh quan với tổng diện tích 14,995.14 ha: Do phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn nước mưa nên chỉ sản xuất được vào mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 hàng năm, cây ngô chủ yếu trồng ở khu vực cao thuộc các xã Hòa Tân, Hòa Phong, Cư Pui, Cư Đrăm, Yang Mao...
- Cây cà phê gồm 13 loại cảnh quan, với tổng diện tích 13,683.16 ha, cây cà phê trồng nhiều tại các xã: Hòa Tân, Dang Kang, Hòa Thành, Cư Pui, Cư Đrăm, Yang Mao...
- Sầu riêng gồm 9 loại cảnh quan với tổng diện tích 18,591.85 ha, sầu riêng là cây trồng tương đối mới trong huyện, thích hợp tại các xã Yang Mao, Cư Đrăm, Cư Pui, Hòa Lễ, Yang Mao... có thổ nhưỡng màu mỡ, tầng đất tương đối dày và thoát nước tốt. Hiện nay cây sầu riêng đang được người dân trong huyện trồng xen canh với cà phê.
- Trồng rừng gồm 27 đơn vị cảnh quan với tổng diện tích 40,783.30 ha, nằm chủ yếu trong phạm vi vườn quốc gia Chư Yang Sin và đang bị chặt phá nghiêm trọng.

6. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP Ở HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

6.1. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Đưa các giống lúa VNR20, TBR36, giống lúa An Sinh 1399; ngô lai PAC669, VN 112, LVN 145; cà phê TR4, TR5,TR6,TR7; giống sầu riêng DONA, sầu riêng Ri6 vào sản xuất phù hợp theo quy hoạch.
- Chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật thông qua các lớp tập huấn, cho nông dân với chương trình, nội dung phù hợp, thậm chí là cầm tay chỉ việc cho nông dân nhất là bà con đồng bào dân tộc ít người.

6.2. Giải pháp về thủy lợi

- Hoàn thiện hệ thống thủy lợi: sửa chữa, cải tạo các hồ thủy lợi hiện có, xây dựng thêm một số các hồ thủy lợi, hồ thủy điện mới để chứa nước; sửa chữa và xây dựng mới hệ thống kênh mương dẫn nước; khoan giếng; đảm bảo nguồn điện ...nhằm đáp ứng nhu cầu nước tưới cho cây trồng đặc biệt là mùa khô. Sử dụng các hình thức tưới tiết kiệm như tưới nhỏ giọt, tưới phun sương để tiết kiệm nước tưới và đảm bảo đủ nước thường xuyên cho cây trồng nhất là cà phê và sầu riêng.

6.3. Giải pháp về vốn

Tăng thời hạn cho vay vốn lên 10 năm và tăng lượng vốn cho vay theo nhu cầu của từng loại hình và hộ sản xuất, tăng cường cho vay tín chấp không cần thế chấp, đơn giản thủ tục hành chính khi vay vốn. Chấm dứt tình trạng tín dụng đen ở nông thôn đặc biệt là

các hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số như: Dân tộc Êđê, dân tộc H' Mông ở các xã Cư Pui, Cư Đrăm và Yang Mao.

6.4. Giải pháp về chính sách

- *Chính sách về đất đai*: Hiện tại phần lớn đất sản xuất nông – lâm nghiệp trong huyện chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên cần nhanh chóng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài cho người dân. Tạo điều kiện cho tích tụ ruộng đất để hình thành hình thức sản xuất trang trại quy mô lớn. Đặc biệt chú ý đến đất sản xuất của bà con dân tộc.

+ Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghệ cao về đầu tư sản xuất trong huyện.

- *Chính sách về cải tạo và xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn*: Ưu tiên xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn theo chương trình 135 cho các xã vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Mở rộng và nâng cấp tỉnh lộ 12 vốn là tuyến đường huyết mạch của huyện hiện đang bị hư hỏng nặng.

6.5. Giải pháp công nghiệp chế biến và thị trường

Có chính sách ưu đãi đặc biệt để thu hút nhà đầu tư xây dựng một nhà máy chế biến cà phê khô sang chế biến ướt, 1 nhà máy chế biến lâm sản trên địa bàn huyện để xuất khẩu.

6.6. Giải pháp về bảo vệ môi trường

Khuyến khích các mô hình kinh tế VACB (Vườn - Ao - Chuồng - Biogas). Hạn chế sử dụng các loại phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ, đồng thời chấm dứt tình trạng đốt nương làm rẫy. Trồng xen cà phê - sầu riêng; cà phê - cây muồng đen. Tuyệt đối không trồng các loại cây ngắn ngày như lúa nương, sắn, ngô trên đất dốc vì phải cày xới khi đến mùa vụ làm cho đất bị xói mòn, rửa trôi nghiêm trọng.

7. KẾT LUẬN

Do sự tác động tổng hợp của các nhân tố tự nhiên, lãnh thổ huyện Krông Bông phân hóa thành 86 loại cảnh quan. Trong đó, 66 đơn vị cảnh quan được đưa vào đánh giá bao gồm: lúa nước hai vụ tưới 10 loại cảnh quan, ngô 7 loại cảnh quan, cà phê 13 loại cảnh quan, sầu riêng 9 loại cảnh quan và 27 đơn vị cảnh quan thích hợp cho trồng rừng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phân viện Quy hoạch & Kinh tế nông nghiệp Miền Trung (2009). *Báo cáo thuyết minh phân hạng đất sản xuất nông nghiệp huyện Krông Bông – tỉnh Đắk Lắk*.
- [2] Phòng Thống kê huyện Krông Bông (2017) *Niên giám thống kê 2017*.
- [3] Phòng Kinh tế - Tài chính huyện Krông Bông (2018). *Báo cáo kết quả điều tra kinh tế-xã hội huyện Krông Bông - tỉnh Đắk Lắk năm 2018*.
- [4] UBND Huyện Krông Bông (2015). Nghị quyết của Ban chấp hành huyện Krông Bông khóa IX nhiệm kỳ 2015-2020, *Về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến 2025 trên địa bàn huyện Krông Bông*.

- [5] Huyện Ủy huyện Krông Bông (2015). Quyết định của huyện Ủy Krông Bông, *V/v phê duyệt đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn huyện Krông Bông giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến 2025.*

Title: THE GENERAL ASSESSMENT OF NATURAL CONDITIONS FOR THE DEVELOPMENT OF AGRICULTURE - FORESTRY IN KRONG BONG DISTRICT, DAK LAK PROVINCE

Abstract: Krong Bong district has full of favorable conditions for agro-forestry production, such as: mountain terrain, hills, plateaus and narrow deltas, the clearly rainy season and dry season because of the equatorial climate, the diversity of soil... The research results show that there are 86 landscape units which are suitable for the main crops : paddy rice, maize, coffee, durian and forest planting. As a result of this research, we have established the production proposals for agriculture in Krong Bong district which carry the reasonable crops with high economic efficiency - society and environment.

Keywords: Agro-forestry development, Krong Bong district.